



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA – VNSTEEL
VNSTEEL – VICASA JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: 0251.3836148; Fax: 0251.3836505; Email: vicasasteel@vicasasteel.com

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018
Thời gian: 8h00 ngày 28 tháng 03 năm 2018

STT	Nội dung
1	Khai mạc Đại hội, Chào cờ, Giới thiệu đại biểu.
2	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu.
3	Giới thiệu thành phần tham dự, giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
4	Thông qua chương trình đại hội và Quy chế đại hội.
5	Nội dung:
a	Báo cáo tổng kết công tác SXKD năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018.
b	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017.
c	Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2013 – 2018 của HĐQT.
d	Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập năm 2017.
e	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017.
e	Các tờ trình: - Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017; - Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018; - Tờ trình tiền lương và mức thù lao của HĐQT, BKS, BDH và TK HĐQT năm 2018; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018; - Tờ trình thông qua danh sách ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023; - Tờ trình về Sửa đổi Điều lệ; - Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
f	- Thảo luận, đóng góp ý kiến cổ đông; - Trả lời & phát biểu ý kiến.
g	Hướng dẫn biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu
h	- Bỏ phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu làm việc; - Thông qua Quy chế bầu cử và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023.
i	- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
k	- Tiến hành bầu cử
l	Nghị giải lao và Ban kiểm phiếu làm việc.
6	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử; Biên bản và Nghị quyết đại hội:
a	Công bố Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023;
b	Thành viên HĐQT, BKS họp phiên thứ nhất;
c	Biên bản họp và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018;
d	Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết (giơ thẻ biểu quyết);



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: 0251.3836148; Fax: 0251.3836505; Email: vicasasteel@vicasasteel.com

Biên Hòa, Đồng Nai - Ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2017 VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018

A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khó khăn:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt hơn. Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán của các nhà sản xuất thép trong nước (nhiều nhà cung cấp mới đưa sản phẩm ra thị trường với giá thấp để chiếm thị phần), đặc biệt là các đơn vị sản xuất thép từ quặng và sản xuất thép từ lò trung tần với chi phí sản xuất thấp đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giá của một số vật tư nguyên liệu chủ yếu như thép vụn, điện cực và hợp kim luôn biến động gây nhiều khó khăn trong công tác thu mua và dự trữ hàng tồn kho. Từ tháng 7 trở đi giá điện cực đã tăng đột biến (gấp hơn 6 lần so với mức giá trung bình hằng năm trước đây) đã làm tăng đáng kể chi phí sản xuất phôi thép.

- Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm của các nhà sản xuất thép trong nước (tăng giảm giá bán không đồng bộ giữa các nhà sản xuất phía Nam) từ đầu năm đến nay làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định, ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

2. Thuận lợi:

- Thị trường thép trong năm 2017 tuy không có những đột biến tăng hay giảm mạnh như trong năm 2016, nhưng lại diễn ra tương đối ổn định với mức tiêu thụ bình quân của các quý đều gần như tương tự như nhau. Và nếu có khác biệt về sản lượng tiêu thụ giữa các quý thì cũng chỉ dao động ở mức khoảng 10 – 15% và điều này giúp cho công tác sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường gặp nhiều thuận lợi. Bên cạnh đó, do Trung Quốc áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt về môi trường và tiết giảm sản xuất thép, nên lượng thép cuộn (phục vụ cho khâu kéo dây mạ kẽm) bị hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam nên giúp cho Công ty có thể tăng khả năng tiêu thụ thêm sản phẩm này.

- Bộ máy tổ chức của Công ty luôn được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ. Thiết bị công nghệ

huy tốt đã sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, được thị trường ngày càng tin dùng, góp sức cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu thép Chữ V, Thép Miền Nam.

- Công ty đã nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như những hỗ trợ của các phòng ban chức năng của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Năm 2017		Tỷ lệ % TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
1. Sản xuất:					
a. Phôi thép:	Tấn	158.283	160.000	171.548	107,22%
b. Thép cán:	Tấn	130.081	140.000	146.148	104,39%
c. Oxy:					
Thổi lò (m3)	M3	2.851.240	-	4.120.955	
Nạp chai (chai)	Chai	247.037	-	242.280	
2. Tiêu thụ sản phẩm:					
a. Tiêu thụ thép cán	Tấn	134.872	140.000	144.649	103,32%
b. Tiêu thụ phôi thép	Tấn	13.860	14.500	21.016	144,94%
3. Doanh thu:	Tr.đ	1.410.853	1.420.300	1.894.197	133,37%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	38.131	33.000	81.039	245,57%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	30.465	26.400	64.569	244,58%
6. Cổ tức	%	15	14	30	214,29%

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017

1. Về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:

- Sản lượng phôi thép SX đạt 171.548 tấn bằng 107,22% kế hoạch năm, tăng 13.265 tấn so với năm 2016.
- Sản lượng thép cán SX đạt 146.148 tấn bằng 104,39% kế hoạch năm, tăng 16.067 tấn so với năm 2016.
- Sản lượng thép cán tiêu thụ đạt 144.649 tấn bằng 103,32% kế hoạch năm, tăng 9.777 tấn so với năm 2016.

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và khả năng sản xuất kinh doanh Công ty đã lập kế hoạch tác nghiệp sản xuất phù hợp với từng thời điểm nên đã đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng, đồng thời đảm bảo lượng tồn kho ở mức hợp lý.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt được 64,569 tỷ, đạt được 244,58% kế hoạch.

Kết quả sản xuất phôi thép, thép cán, tiêu thụ và lợi nhuận đạt vượt mức kế hoạch đề ra, đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tập thể lãnh đạo và cán bộ CNV Công ty trong việc duy trì sản xuất trong bối cảnh thị trường ngành thép còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt.

2. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dân đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.
- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị. Quy hoạch các bãi bê-tông chứa thép vụn, tiếp nhận trên 180.000 tấn thép vụn và gang. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và đảm bảo lượng liệu tồn đến cuối tháng 12/2017 khoảng 5.000 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

3. Công tác tài chính kế toán:

- Thực hiện đúng các chế độ, quy định về tài chính của Nhà Nước và quy chế tài chính của Công ty cổ phần.
- Bảo đảm các thời hạn khai báo thuế và nộp thuế đầy đủ. Công bố thông tin chính xác, đúng hạn theo yêu cầu với công ty đại chúng.
- Phân tích chi tiết chi phí sản xuất kịp thời.
- Đáp ứng đủ vốn và kịp thời cho sản xuất kinh doanh với mức chi phí tài chính hợp lý.
- Đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra tài chính định kỳ của Tổng Công ty và công tác kiểm toán hàng năm, bảo đảm đúng các chế độ thống kê, luân chuyển, lưu trữ chứng từ.

4. Công tác kỹ thuật cơ điện, xây dựng cơ bản, môi trường:

a. Công tác kỹ thuật và công nghệ:

- Thiết bị lò 20 tấn và lò tinh luyện hoạt động ổn định. Chất lượng sản phẩm đạt ở mức cao. Trong năm tập trung sản xuất các mác thép cacbon thông thường và hạn chế sản xuất các mác thép hợp kim thấp độ bền cao. Tuy nhiên thiết bị lò có nhiều hạn chế, mặt bằng công nghệ không thật sự thuận lợi nên khó hợp lý hóa sản xuất để giảm các chi tiêu kỹ thuật.

- Thiết bị cán hoạt động tương đối ổn định, công nghệ cán ngày càng được hoàn thiện cho phép khả năng nâng công suất cán, chất lượng sản phẩm đạt mức tối đa và giảm chi phí sản xuất. Cũng như Luyện thép, mặt bằng chật hẹp và công nghệ cũ cũng đang là cản trở lớn đến khả năng cạnh tranh của đơn vị

Về chất lượng sản phẩm năm 2017 đạt được như sau:

- Thép luyện: Loại 1 đạt 99,6%;
- Thép cán: Loại 1 đạt 99,0%.

b. Công tác đầu tư, trang bị bổ sung

Trong năm 2017 Công ty đã đầu tư, trang bị bổ sung các hạng mục sau với tổng giá trị tăng TSCĐ là 25.306 Triệu đồng:

- Cải tạo cán trung hàng ngang sang cán hàng dọc:	8.368 triệu đồng
- Biến thế lò EAF 25.000 KVA:	8.515 triệu đồng
- Máy đúc phôi liên tục 2 dòng R5,25m:	240 triệu đồng
- Bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải:	2.127 triệu đồng
- Cụm tay đòn kẹp than điện cực:	1.681 triệu đồng
- Cải tạo nối dài nhà xưởng 50T PX Luyện:	1.354 triệu đồng
- Xe nâng 7 tấn:	1.230 triệu đồng
- Động cơ DC, tủ điều khiển, phần cứng và lập trình PLC 675KW-500V-1450A:	1.300 triệu đồng
- Máy bơm ống thủy lực 1/4" – 1.1/4":	153 triệu đồng
- 02 cái Cạp phế liệu (Nhật):	230 triệu đồng
- 02 bộ máy tủ lạnh đứng Daikin 6HP:	108 triệu đồng

Ngoài các hạng mục nói trên, còn có hạng mục khác như:

- Máy đóng bó thép thanh: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh và ký hợp đồng ngày 02/11/2017 với giá trị 1.540 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Công ty đã nhận hàng trong tháng 02/2018 và đang triển khai lắp đặt.
- Máy tiện CNC: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh và ký hợp đồng ngày 18/08/2017 với giá trị 3.935 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Dự kiến giao hàng trong tháng 03/2018.

c. Tình hình sửa chữa lớn

Trong năm 2017 Công ty đã sửa chữa lớn các hạng mục sau với tổng giá trị quyết toán là 3.775 Triệu đồng:

- Sàn nguội thoi 3 PX Cán:	891 triệu đồng
- Đường nội bộ:	806 triệu đồng
- Thay tấm đan, vét nước toàn Công ty:	170 triệu đồng
- Thay mái tôn, chống dột nhà xưởng:	622 triệu đồng
- Nền nhà xưởng PX Luyện:	331 triệu đồng
- Sơn lại nhà văn phòng:	955 triệu đồng

d. Công tác môi trường:

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.
- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

5. Công tác tổ chức lao động, tiền lương và đời sống

a. Tình hình lao động

- Số lao động ngày 01/01/2017: 462 người, trong đó có 29 nữ.
- Số lao động nghỉ hưu trong năm: 03 người; Số lao động nghỉ việc trong năm: 30 người. Tổng số tiền trợ cấp thôi việc 2.274 Triệu đồng.
- Số lao động được tuyển dụng trong năm: 24 người
- Lao động trực tiếp (lao động làm nghề nặng nhọc độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm): 372 người; Lao động gián tiếp: 81 người
- Lao động bình quân trong năm 2017 là 455 người (trong đó có 28 nữ).
- Số lao động ngày 31/12/2017: 453 người. Trong đó có 29 nữ.

b. Công tác tiền lương và đời sống

- Thực hiện việc trả lương theo chế độ khoán sản phẩm và các chế độ khác của người lao động theo đúng qui định và các chế độ hiện hành.
- Thu nhập bình quân của Người lao động là 14,9 triệu đồng/người/tháng. (Năm 2016 là 13,4 triệu đồng/người/tháng).
- Chu cấp chi phí và phương tiện cho người lao động đi nghỉ mát hàng năm.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ 433 người và khám bệnh nghề nghiệp cho 143 người lao động. Năm 2017 không có công nhân nào mắc bệnh nghề nghiệp.

6. Công tác an ninh trật tự và an toàn lao động

- Duy trì thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh chính trị trật tự trong Công ty.
- Công tác huấn luyện định kỳ được thực hiện nghiêm túc từ đầu năm và tổ chức huấn luyện cho 459 công nhân, mở 07 lớp huấn luyện an toàn cho các công nhân vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, mở 01 lớp huấn luyện công tác an toàn cho cán bộ quản lý.
- Trang bị và sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu ngành nghề, rà soát, bổ sung các quy định an toàn, nội qui trong công tác BHLĐ. Trong năm có 03 vụ

tai nạn lao động nhẹ. Nguyên nhân do người lao động chưa chấp hành đúng qui trình, qui định an toàn lao động

- Duy trì nề nếp công tác kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, tổ chức đội chuyên trách phòng chống ngập và công tác PCCN. Quan tâm tốt đến vệ sinh đường giao thông nội bộ, mặt bằng sản xuất, chăm sóc, trồng thêm cây xanh cải tạo môi trường làm việc.
- Tổ chức thực hiện và duy trì công tác 5S tại các đơn vị sản xuất và phong ban trong Công ty, định kỳ kiểm tra và đánh giá hoạt động này.

7. Phong trào thi đua và các mặt hoạt động Đảng Đoàn thể

- Công tác Đảng: Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của CBCNV, để chấp hành tốt pháp luật Nhà nước, nội quy và quy định của Công ty. Tổ chức cho cán bộ đảng viên sinh hoạt, học tập chính trị.
- Công tác Công đoàn: Vận động CBCNV tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do Tổng Công ty và Công ty tổ chức, phong trào sáng kiến, tiết kiệm; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức 100% CBCNV đi nghỉ mát theo chế độ. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty đã vận động CBCNV tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do Tổng Công ty phát động. Điển hình như: xây dựng nhà tình thương cho anh Lương Văn Bình – công nhân PX. Luyện thép với số tiền 100 triệu đồng, đóng góp xây Trường Mầm Non ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An với chi phí là 1,5 tỷ đồng.
- Trong năm không có trường hợp nào vi phạm Thỏa ước Lao động tập thể.
- Về phong trào sáng kiến, năm 2017 có 51 giải pháp được công nhận là sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, sửa chữa thiết bị với giá trị làm lợi ước đạt khoảng 35,1 tỷ đồng và đã trích thưởng số tiền là 201.200.000 đồng.
- Đoàn thanh niên: Với đội ngũ hơn 57 ĐVTN trẻ, khỏe, năng động và sáng tạo. Trong năm qua, hoạt động của Đoàn thanh niên đã đạt được những hiệu quả nhất định như: Đóng góp 30 sáng kiến cải tiến kỹ thuật và 06 công trình thanh niên, tổ chức cho ĐVTN tham quan về nguồn và đã đạt được những kết quả trong các hoạt chức phong trào văn-thể-mỹ. Tổ chức cho ĐVTN của Công ty tham gia hiến máu nhân đạo trong năm với 156 đơn vị máu được hiến.

IV. KẾT LUẬN:

Năm 2017 là năm tương đối thuận lợi đối với Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, với sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty, cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời, toàn diện về nhiều mặt của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty vẫn giữ ở mức ổn định các sản phẩm chủ lực cả về sản xuất lẫn tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng đầy đủ và kịp thời các chủng loại sản phẩm, theo chuyên môn hóa của Tổng Công ty, ổn định được thu nhập và đời sống cho CBCNV.

B. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2018

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Sản xuất		
	- Phôi thép	Tấn	180.000
	- Thép cán	Tấn	150.000
2	Chất lượng sản phẩm		
	- Phôi thép loại 1	%	> 99,0
	- Cán thép loại 1	%	>98,5
3	Tiêu thụ sản phẩm chính		
	- Phôi thép	Tấn	25.000
	- Thép cán	Tấn	150.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	50.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.000
6	Cổ tức	%	20

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ MUA SẮM TSCĐ NĂM 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2018			Ghi chú	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay thương mại			
				Có cam kết tín dụng	Chưa có cam kết tín dụng		Vốn Khác
I	Dự án chuyển tiếp năm 2017	<u>2,35</u>	<u>2,35</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	- Đã thực hiện năm 2017 = 1,5 tỷ đồng; - KHo năm 2018 thực hiện 0,85 tỷ đồng.
1	Đầu tư bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải	2,35	2,35				
II	Dự án đầu tư mới	<u>40,00</u>	<u>20,00</u>	<u>20,00</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	
1	Đầu tư cán thô hàng dọc	40,00	20,00	20,00			

III	Đầu tư mua sắm TSCĐ	<u>8,90</u>	<u>8,90</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	
1	Động cơ DC 375 KW	0,70	0,70				
2	Hệ thống DCS các thiết bị cán Simac	1,50	1,50				
3	Hệ thống phần mềm quản lý ROSY	1,00	1,00				
4	Hệ thống trung tâm thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển từ xa (SCADA) 110KV	2,20	2,20				
5	Giá cán block mill	2,00	2,00				
6	Động cơ 700HP trạm oxy 800m ³ /h	1,50	1,50				

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG TÁC VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Nền kinh tế trong nước tăng trưởng ở mức độ trung bình, Chính phủ vẫn duy trì chủ trương lớn là kiềm chế lạm phát, thắt chặt tín dụng, hạn chế đầu tư công. Thị trường thép tiếp tục vượt cầu do một số đơn vị sản xuất mới tham gia thị trường và một vài đơn vị tăng sản lượng sản xuất. Vì vậy, việc thực hành tiết kiệm trong sản xuất và quản lý, giảm tiêu hao, hạ giá thành là trọng tâm xuyên suốt trong công tác lãnh đạo điều hành. Một số đầu tư trung hạn cấp thiết cần thực hiện để hỗ trợ cho mục tiêu giảm tiêu hao cũng sẽ sắp xếp thực hiện trong năm 2018.
- Chủ động tìm nguồn cung cấp phế liệu trong nước để ổn định được giá và đảm bảo đủ số lượng cung ứng cho sản sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá và phân loại chất lượng thép vụn cũng như hoàn thiện công tác tiếp nhận liệu, duy trì phối liệu hợp lý để giảm tiêu hao và giá thành sản xuất.
- Duy trì sự ổn định về mặt chất lượng đối với thép phôi để đảm bảo tất cả các phôi thép đưa qua khâu sản xuất thép cán đều đạt yêu cầu về tính chất cơ lý, giảm thiểu phế phẩm.
- Duy trì và ổn định chất lượng sản phẩm thép cán, luôn đảm bảo sản phẩm xuất xưởng thỏa mãn yêu cầu của thị trường và giữ được uy tín thương hiệu “Thép chữ

V". Chú ý đẩy mạnh tiêu thụ ở thị trường thép kéo dây, sản xuất thép làm que hàn, làm bulông...

- Duy trì tỷ lệ nạp thời nóng trực tiếp sang máy cán, giảm bớt tỷ lệ nung thời ở lò gia nhiệt trung tần để đảm bảo tỷ lệ thời được cán nóng trực tiếp (qua hay không qua lò gia nhiệt) đạt trên 95% và hạn chế thời nguội ở mức tối thiểu nhằm giảm chi phí sản xuất.
- Đảm bảo kế hoạch tác nghiệp sản xuất đồng bộ giữa khâu sản xuất luyện và sản xuất cán để 100% phôi thép sản xuất ra được nạp nóng trực tiếp vào máy cán. Qua đó có thể chủ động đa dạng hóa sản phẩm trong từng thời điểm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và hỗ trợ hiệu quả cho khâu tiêu thụ sản phẩm.

2. Đối với công tác tổ chức quản lý sản xuất

- Tăng cường kết hợp, hoàn thiện tổ chức quản lý sản xuất, thích ứng với cơ chế thị trường, lấy hiệu quả sản xuất làm mục tiêu chính.
- Đào tạo, bồi dưỡng bổ sung và xây dựng đội ngũ lao động trẻ, có trình độ chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm và có tinh kế thừa để thực hiện tốt nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

3. Đối với công tác kỹ thuật - cơ điện – ATLD - Môi trường

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình công nghệ, các quy định quản lý và các giải pháp kỹ thuật để giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất, nhất là giảm tiêu hao về thép vụn, điện năng ở khâu sản xuất phôi thép và giảm tiêu hao kim loại, điện năng ở khâu sản xuất cán thép.
- Duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả thiết bị sản xuất ở các phân xưởng sản xuất chính để nâng cao năng suất và chất lượng thời đúc cũng như thành phẩm thép cán.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tiết kiệm trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, xây dựng cơ bản và trang bị bổ sung mới thiết bị cần thiết cho sản xuất, duy trì sự hoạt động ổn định và khai thác hiệu quả các dự án đã đầu tư.
- Thực hiện việc giám sát đánh giá hằng năm hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 17025 (đối với Phòng thí nghiệm).
- Công tác an toàn lao động phải được quan tâm thường xuyên, từng bộ phận phải thực hiện tốt công tác huấn luyện và kiểm tra định kỳ, thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu tai nạn lao động
- Duy trì ổn định hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo môi trường lao động và chăm sóc trồng mới thêm cây xanh.

4. Đối với các mặt công tác khác

- Giữ vững an ninh chính trị trật tự, bảo vệ tốt tài sản của Công ty, thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng chống ngập lụt.

- Tổ chức các phong trào thi đua trong sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tích cực áp dụng các giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Duy trì hoạt động thường xuyên các tổ chức đoàn thể. Quan tâm hơn nữa đến thu nhập và đời sống của CBCNV trong Công ty nhằm tạo được sự tin tưởng và gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

Trên đây là tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, một số nội dung công tác, biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2018 của công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0251.3836148; Fax: 0251.3836505; Email: vicasasteel@vicasasteel.com

Biên Hòa, Đồng Nai - Ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng Quản trị công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2017 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ

Theo kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày 28/03/2017, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL hiện nay gồm có 05 thành viên như sau:

1. Ông Lê Văn Cam
2. Ông Nguyễn Xuân Tiến
3. Ông Võ Hựu
4. Ông Nguyễn Đông Vững
5. Ông Nguyễn Bảo Giang

Về nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2017 không có sự thay đổi.

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện theo nghị quyết từng quý.

Trong năm 2017, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế. Trong năm 2017 HĐQT VICASA đã nỗ lực và chủ động đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thực hành tốt một số vấn đề tiết kiệm để giảm chi phí và đảm bảo thu nhập của người lao động.

- Vốn điều lệ của Công ty: **151,873 Tỷ đồng** (Thời điểm 31/12/2017).
- Một số chỉ tiêu và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của công ty đạt được như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Năm 2017		Tỷ lệ % TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
1. Sản xuất:					
a. Phôi thép:	Tấn	158.283	160.000	171.548	107,22%
b. Thép cán:	Tấn	130.081	140.000	146.148	104,39%
c. Oxy:					
Thổi lò (m3)	M3	2.851.240	-	4.120.955	
Nạp chai (chai)	Chai	247.037	-	242.280	
2. Tiêu thụ sản phẩm:					
a. Tiêu thụ thép cán	Tấn	134.872	140.000	144.649	103,32%
b. Tiêu thụ phôi thép	Tấn	13.860	14.500	21.016	144,94%
3. Doanh thu:	Tr.đ	1.410.853	1.420.300	1.894.197	133,37%
4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	9,45%		15,29%	
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,31%		24,13%	
6. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	38.131	33.000	81.039	245,57%
7. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	30.465	26.400	64.569	244,58%
8. Cổ tức	%	15	14	30	214,29%

2. Về đầu tư tài sản cố định, trang bị bổ sung và sửa chữa lớn

a. Về đầu tư tài sản cố định

- Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là **84,213 tỷ đồng**.

- Trong năm 2017 HĐQT và Ban điều hành đã cân đối nguồn lực để đầu tư trang thiết bị bổ sung các hạng mục với tổng giá trị tăng TSCĐ là **25.306 triệu đồng**, nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty. Cụ thể:

+ Cải tạo cán trung hàng ngang sang cán hàng dọc:	8.368 triệu đồng
+ Biến thế lò EAF 25.000 KVA:	8.515 triệu đồng
+ Máy đúc phôi liên tục 2 dòng R5,25m:	240 triệu đồng
+ Bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải:	2.127 triệu đồng

+ Cụm tay đòn kẹp than điện cực:	1.681 triệu đồng
+ Cải tạo nội dãi nhà xưởng 50T PX Luyện:	1.354 triệu đồng
+ Xe nâng 7 tấn:	1.230 triệu đồng
+ Động cơ DC, tủ điều khiển, phân cứng và lập trình PLC 675KW-500V-1450A	1.300 triệu đồng

Ngoài các hạng mục nói trên, còn có hạng mục khác như:

- Máy đóng bó thép thanh: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh và ký hợp đồng ngày 02/11/2017 với giá trị 1.540 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Công ty đã nhận hàng trong tháng 02/2018 và đang triển khai lắp đặt.
- Máy tiện CNC: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh và ký hợp đồng ngày 18/08/2017 với giá trị 3.935 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Dự kiến giao hàng trong tháng 03/2018

Tất cả các hạng mục đầu tư đều được Công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư được áp dụng tại Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL. Từ đó đã phát huy hiệu quả, góp phần làm giảm tiêu hao kỹ thuật, tăng năng suất và giảm giá thành sản phẩm.

b. Tình hình sửa chữa lớn

Trong năm 2017 Công ty đã sửa chữa lớn các hạng mục sau với tổng giá trị quyết toán là **3.775 Triệu đồng**:

+ Sàn nguội thoi 3 PX Cán:	891 triệu đồng
+ Đường nội bộ:	806 triệu đồng
+ Thay tấm đan, vét nước toàn Công ty:	170 triệu đồng
+ Thay mái tôn, chống dột nhà xưởng:	622 triệu đồng
+ Nền nhà xưởng PX Luyện:	331 triệu đồng
+ Sơn lại nhà văn phòng:	955 triệu đồng

3. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, HĐQT đã bảo đảm chế độ họp một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp. Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp qua đó đã ban hành được 04 Nghị quyết HĐQT công ty.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ. Do vậy các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện rất thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2017

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Bảo Giang	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thù lao 4.000.000đ/tháng
	Tổng cộng		48.000.000	

Các thành viên khác của HĐQT trong năm 2017 đều làm việc trực tiếp tại công ty, được công ty trả lương tháng nên không hưởng thù lao.

Mức thù lao trên đây được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT kính báo cáo để Quý cổ đông nắm rõ.

5. Về công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành:

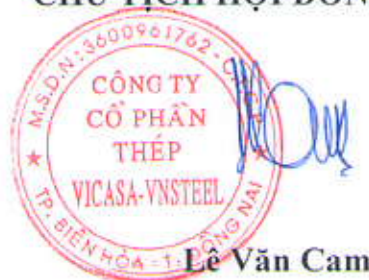
Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty vận hành theo mục tiêu và kỳ vọng của cổ đông. Hội đồng quản trị luôn có những chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời nhằm giúp Ban điều hành phản ứng linh hoạt trước các những biến động của thị trường.

Tóm lại, trong năm 2017 HĐQT công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Trên đây là hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL trong năm 2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Địa chỉ: Đường 9, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0251.3836148; Fax: 0251.3836505; Email: vicasasteel@vicasasteel.com

Biên Hòa, Đồng Nai - Ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2013-2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 1 – năm 2007, Hội đồng quản trị công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2013-2018

1. Tình hình chung:

Năm 2013, mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc tuy nhiên tình hình thị trường bất động sản chưa có nhiều chuyển biến mới, là nguyên nhân trực tiếp làm cho sản phẩm ngành thép tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi hoạt động xuất khẩu thép ra thị trường thế giới còn nhiều hạn chế và lượng cung sản xuất đã vượt xa so với nhu cầu trên thị trường nội địa, các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước tiếp tục cạnh tranh để duy trì được vị thế hiện có trên thị trường.

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL đã nỗ lực để duy trì thị phần, ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống của người lao động. Nhiệm kỳ 2013-2018, Công ty cũng đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông hàng năm đã đề ra.

Trong bối cảnh đó Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực tìm mọi biện pháp để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP trong mọi hoạt động kinh doanh. Do vậy, mặc dù còn nhiều khó khăn Công ty đã duy trì tốt hoạt động kinh doanh, từng bước ổn định bộ máy hoạt động và tiếp tục đầu tư nâng cấp công nghệ để nâng cao năng suất, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Về nhân sự Hội đồng quản trị

HDQT của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL nhiệm kỳ 2013-2018 được Đại hội cổ đông năm 2013 tín nhiệm bầu gồm 05 thành viên:

1. Ông Lê Văn Cam
2. Ông Nguyễn Văn Lộc
3. Ông Lê Văn Tuấn
4. Ông Lê Đức Thọ
5. Ông Nguyễn Bảo Giang.

Hội đồng quản trị đã thống nhất cử ông **Lê Văn Cam** làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và công văn số 1213/VNS-HĐQT ngày 26/09/2013 của HĐQT Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP v/v Tách riêng hai chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, tại cuộc họp HĐQT ngày 15/04/2014 đã thống nhất bổ nhiệm: Ông **Lê Văn Cam** tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2013-2018 và bổ nhiệm ông **Nguyễn Xuân Tiến** giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trong nhiệm kỳ 2013 – 2018: Do việc sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ của Tổng Công ty Thép Việt Nam, nhân sự HĐQT đã có sự thay đổi như sau:

- Năm 2014: Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 (ngày 18/04/2014) đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông **Lê Văn Tuấn** và bầu bổ sung Ông **Nguyễn Xuân Tiến** là thành viên HĐQT.
- Năm 2016: Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 30/03/2016) đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông **Lê Đức Thọ** và bầu bổ sung Ông **Nguyễn Đông Vững** là thành viên HĐQT.
- Năm 2017: Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 (ngày 28/03/2017) đã miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông **Nguyễn Văn Lộc** và bầu bổ sung Ông **Võ Hựu** là thành viên HĐQT.

Các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay bao gồm:

- | | |
|--------------------------------|---------------|
| 1. Ông Lê Văn Cam | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Xuân Tiến | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Đông Vững | Thành viên |
| 4. Ông Võ Hựu | Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Bảo Giang | Thành viên |

3. Hoạt động chung của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013-2018

Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 25/12/2007. Hiện nay Công ty đã được đổi tên thành Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần thứ 6 - Ngày 06/04/2016.

Nhiệm kỳ 2013-2018 HĐQT Công ty đã tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị. HĐQT luôn duy trì chế độ họp định kỳ và thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thời gian thực tế hoạt động của nhiệm kỳ 5 năm nhưng Công ty đã có những bước tiến vượt bậc trong công tác quản trị, cụ thể:

- Tổ chức, củng cố, sắp xếp, tinh gọn và hoàn chỉnh cơ cấu các phòng ban trong Công ty, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban, bổ sung điều chỉnh Nội quy làm việc cho phù hợp với phương thức quản lý mới nhằm quản lý tốt nguồn vốn đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm chi phí cho Công ty. Đẩy mạnh việc đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, phù hợp với

tình hình mới.

- Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 151,873 tỷ đồng;
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty: phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao, có tác động tích cực đến công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị và là cơ sở xét khen thưởng, tổng kết thi đua hàng năm.
- Đời sống tinh thần và vật chất của CBNV được nâng cao. Thu nhập bình quân người lao động không ngừng tăng qua các năm, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và tốc độ lạm phát của nền kinh tế, đảm bảo cho người lao động yên tâm trong công tác, tái tạo sức lao động và ngày càng cống hiến nhiều hơn cho Công ty.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2018

Công ty thực hiện được hầu hết các mục tiêu và định hướng mà Đại hội cổ đông thành lập đề ra. Trong nhiệm kỳ 2013-2018, hoạt động kinh doanh của Công ty đã được HĐQT điều hành theo hướng tập trung vào các mảng hoạt động chính của Công ty.

Công ty đã thành công trong lĩnh vực kinh doanh chủ lực của mình thời gian qua; từng bước mở rộng thị phần, tăng doanh thu và lợi nhuận, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên cơ sở khai thác những thế mạnh của Công ty.

Việc phát triển nguồn nhân lực cũng là yếu tố then chốt tạo nên sự thành công của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã xây dựng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức và tinh thần trách nhiệm, nhạy bén trong công việc, có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

Kết quả sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013-2018 được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện				
			Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	151,873	151,873	151,873	151,873	151,873
2	Sản lượng:						
	- Luyện	Tấn	147.131	142.075	143.145	158.283	171.548
	- Cán	Tấn	111.778	106.007	122.578	130.085	146.148
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.835,996	1.633,389	1.401,650	1.410,853	1.894,197
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,588	6,871	49,212	38,130	81,039
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,399	4,506	38,328	30,464	64,569
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,16	0,91	11,04	9,45	15,29
7	Tỷ suất lợi	%	0,47	2,35	17,06	13,31	24,13

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện				
			Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
	nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)						
8	Chia cổ tức	%	0	3	15	15	30

5. Về đầu tư tài sản cố định (TSCĐ):

Giá trị tài sản cố định của Công ty qua các năm cụ thể như sau:

Năm 2013:	105,794 tỷ đồng;
Năm 2014:	100,217 tỷ đồng;
Năm 2015:	85,277 tỷ đồng;
Năm 2016:	82,557 tỷ đồng;
Năm 2017:	84,213 tỷ đồng.

Trong thời gian qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do nhưng HĐQT và Ban điều hành vẫn cân đối nguồn lực để đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, cụ thể:

- **Năm 2013:** Công ty đã đầu tư mới các hạng mục góp phần làm giảm tiêu hao kỹ thuật, tăng năng suất và giảm giá thành sản phẩm, bao gồm:
 - + Lắp đặt Bộ trao đổi nhiệt lò nung Cán, phát huy hiệu quả giảm tiêu hao khí CNG khoảng 6%.
 - + Lắp đặt lò gia nhiệt điện cảm ứng, góp phần làm giảm chi phí sản xuất Cán.

Về công tác trang bị bổ sung:

- + Máy biến áp dầu 3 pha 8.000 KVA: 1,493 tỷ đồng;
- + Xe đào bánh lốp Doosan: 700 triệu đồng;
- + Xe Ford Transit 16 chỗ: 778 triệu đồng;
- + Xe goòng lò LF: 810 triệu đồng;
- **Năm 2014:** Trang bị 02 hạng mục là Hệ thống điện 3.150 KVA ở PX Cán và Cụm thu thập thép thanh, với giá trị quyết toán 3,21 tỷ đồng.
Đầu tư mới 02 hạng mục là Lò gia nhiệt cảm ứng và nhà kho chứa thép thành phẩm), với giá trị quyết toán 6,84 tỷ đồng; ...
- **Năm 2015:** Đầu tư 05 hạng mục là Máy biến áp chỉnh lưu lò gia nhiệt; Cụm thu thập thép thanh; Lò ủ phôi thép; Máy gia công rãnh và khắc trục cán CNC; Bộ mâm từ hút thép thanh với giá trị quyết toán là 7,449 tỷ đồng.
- **Năm 2016:** Công ty đã đầu tư, trang bị bổ sung các hạng mục với tổng giá trị tăng TSCĐ là 17.754 Triệu đồng:
 - + Máy đúc phôi thép liên tục hai dòng R5,25m

- + Bể nước và móng thiết bị trước máy cán thô
- + Cụm đường lăn chuyển thời sau máy cắt nóng
- + Móng thiết bị ĐLT
- + Máy quang phổ phát xạ thử nghiệm thành phần hóa học

- + Xe nâng 7T
- + Hệ thống điện cung cấp cho PXL và PXC
- + Xe ô tô tải ben Fuso Fighter 16
- + Bộ mâm từ hút thép thanh

- **Năm 2017:** Trong năm Công ty đã đầu tư, trang bị bổ sung các hạng mục sau với tổng giá trị tăng TSCĐ là 25.306 Triệu đồng nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, bao gồm:

- + Cải tạo cán trung hàng ngang sang cán hàng dọc: 8.368 triệu đồng;
- + Biến thế lò EAF 25.000 KVA: 8.515 triệu đồng
- + Bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải: 2.127 triệu đồng
- + Cụm tay đòn kẹp than điện cực: 1.681 triệu đồng
- + Cải tạo nối dài nhà xưởng 50T PX Luyện: 1.354 triệu đồng
- + Xe nâng 7 tấn: 1.230 triệu đồng
- + Động cơ, tủ điều khiển, phần cứng và lập trình PLC 675KW-500V-1450A: 1.300 triệu đồng

Ngoài các hạng mục nói trên, còn có hạng mục khác như:

- + Máy đóng bó thép thanh: Ký hợp đồng với giá trị 1.540 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Công ty đã nhận hàng T02/2018 và đang triển khai lắp đặt.
- + Máy tiện CNC: Ký hợp đồng với giá trị 3.935 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Dự kiến giao hàng trong tháng 03/2018

6. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã bảo đảm chế độ họp một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo bộ máy hoạt động của Công ty vận hành theo đúng mục tiêu và kỳ vọng của cổ đông

7. Một số hạn chế cần khắc phục trong nhiệm kỳ 2013-2018

Ngoài những thành công nêu trên, hoạt động của Công ty còn một vài hạn chế cần khắc phục như:

- Hoạt động Marketing chưa được đầu tư đúng mức và việc tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội còn nhiều hạn chế nên hình ảnh và thương hiệu của Công ty chưa được định vị đúng mức trên thị trường.
- Công tác tổ chức nhân sự còn nhiều thiếu sót, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ do tiết kiệm chi phí nhân sự.

9. Kết luận

Nhiệm kỳ 2013-2018 của HĐQT Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng của Công ty. Nhìn chung, Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt các chủ trương mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, tạo tiền đề để Công ty có những bước phát triển vượt bậc về lâu dài trong các nhiệm kỳ tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, người lao động, nhiệt tình trong công tác xã hội và quan trọng hơn cả là đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ với các cổ đông.

Đây chính là kết quả của những nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng với quyết tâm rất lớn của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

Tuy nhiên cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty đang phải đối mặt với những thách thức, khó khăn không thể dự báo hết được. Bên cạnh khó khăn do khách quan gây ra, Công ty phải khắc phục về nguồn nhân lực và những hạn chế về khả năng nguồn vốn để đưa Công ty phát triển vững chắc hơn nữa.

Chúng ta tin tưởng rằng, với uy tín và thương hiệu sẵn có, với sự đồng thuận và nhất trí của các cổ đông, sự nỗ lực, đoàn kết của cán bộ nhân viên và sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của HĐQT, BKS và Ban điều hành, Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL sẽ ngày càng phát triển vững mạnh.

Trân trọng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LÊ VĂN CAM



Biên Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT Năm 2017

1. Thời gian: 8h30' ngày 12 tháng 02 năm 2018
2. Địa điểm: Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL
3. Thành phần tham dự:
 - Ông Nguyễn Phước Hải Trưởng ban
 - Ông Lê Trọng Dung Ủy viên
 - Ông Hồ Duy Khải Ủy viên
4. Nội dung cuộc họp:
 - Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2017;
 - Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;
 - Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư XDCB và sửa chữa lớn và năm 2017;
 - Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2017 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h00' ngày 12 tháng 02 năm 2018

Các thành viên dự họp:

ỦY VIÊN

Lê Trọng Dung

Hồ Duy Khải

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Phước Hải



Biên Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS):

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel năm 2017 gồm 3 thành viên:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Số buổi tham dự họp BKS	Ti lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	15/04/2015	4	100%
2	Ông Lê Trọng Dung	Kiểm soát viên	15/04/2015	4	100%
3	Ông Hồ Duy Khải	Kiểm soát viên	29/03/2013	4	100%

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau :

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến và kiến nghị trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo điều lệ qui định.
- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2017;
- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư XDCB và sửa chữa lớn năm 2017;
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2017 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT và Ban điều hành Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Trong năm 2017 đã chi trả thù lao cho các thành viên BKS như sau :

- Trưởng BKS trong năm 2017 làm việc trực tiếp tại công ty, được công ty trả lương tháng nên không có thù lao.
- Ông Lê Trọng Dung và ông Hồ Duy Khải thành viên BKS: Thù lao năm 2017 là 36.000.000 đồng/người.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- HĐQT Công ty đã tiến hành đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất trong năm 2017 để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đề ra chương trình hoạt động tiếp theo.

- Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và có nghị quyết của HĐQT giao cho ban điều hành triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện.

- Ban điều hành đã có nhiều cố gắng bám sát và triển khai các nghị quyết của HĐQT giao, đã tăng cường công tác kiểm tra quản lý, nắm bắt diễn biến thị trường, điều hành linh hoạt, triển khai công tác đầu tư và các công việc khác như đã nêu trong báo cáo thường niên.

I. Về tình hình tài chính năm 2017:

DVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK/ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	TỔNG TÀI SẢN	422.275	322.276	99.999	31,03%
I	Tài sản ngắn hạn	335.565	236.452	99.113	41,92%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	58.894	46.456	12.438	26,77%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
3	Các khoản phải thu	138.649	66.547	72.102	108,35%
4	Hàng tồn kho	137.274	121.349	15.925	13,12%
5	Tài sản ngắn hạn khác	748	2.100	(1.352)	-64,38%
II	Tài sản dài hạn	86.710	85.824	886	1,03%
1	Phải thu dài hạn				
2	Tài sản cố định hữu hình	84.213	82.557	1.656	2,01%
3	Tài sản dở dang dài hạn		852	(852)	-100,00%
4	Tài sản dài hạn khác	2.497	2.415	82	3,40%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	422.275	322.276	99.999	31,03%
I	Nợ phải trả	154.705	93.447	61.258	65,55%
1	Nợ ngắn hạn	154.705	93.447	61.258	65,55%
2	Nợ dài hạn				
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	267.570	228.829	38.741	16,93%
1	Vốn chủ sở hữu	267.570	228.829	38.741	16,93%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác				

Nhân xét:

1 Tài sản ngắn hạn:

1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền:

Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 26,77%. Số dư ngày 31/12/2017 là 58.894 triệu đồng, trong đó tiền mặt là 408 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 23.486 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng là 35.000 triệu đồng, tồn quỹ tiền mặt phù hợp

với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Lưu ý việc cân đối giữa tiền gửi ngắn hạn và khoản vay ngắn hạn.

1.2 Các khoản phải thu:

Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 108,35%. Nguyên nhân chủ yếu do tăng dư nợ cuối kỳ của một số khách hàng lớn như:

	Dư nợ CK	Dư nợ ĐK	%Tăng
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	72,37 tỉ đồng	34,6 tỉ đồng	109%
- Công ty Thép Tây Đô	13,81 tỉ đồng	10,7 tỉ đồng	29%
- Công ty CP Thép Nhà Bè	48,14 tỉ đồng	0	

Số dư các khoản phải thu đến ngày 31/12/2017 là:

	138.649 triệu đồng
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng:	136.501 triệu đồng
- Trả trước cho người bán ngắn hạn:	2.727 triệu đồng
- Phải thu ngắn hạn khác:	1.200 triệu đồng
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:	- 1.779 triệu đồng
+ DNTN Mười Thanh	- 100 triệu đồng
+ Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Nam	- 1.679 triệu đồng

1.3 Hàng tồn kho:

TT	Nguyên vật liệu	GT tồn kho 31/12/2017 (Triệu đồng)	GT tồn kho 31/12/2016 (Triệu đồng)	Tăng (+), giảm (-)	Ti lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
1	Nguyên liệu chính	14.942	40.134	-25.192	-62,77%
	<i>Trong đó: - Thép phế liệu</i>	14.942	35.199	-20.257	-57,55%
	<i>- Gang thỏi</i>		4.934	-4.934	-100,00%
2	Vật liệu phụ	26.286	16.563	9.723	58,70%
3	Nhiên liệu	19.251	2.807	16.444	585,82%
4	Phụ tùng	9.784	14.855	-5.071	-34,14%
5	Công cụ dụng cụ	126	127	-1	-0,79%
6	Phế phẩm, phế liệu thu hồi	248		248	
7	Phôi thép	11.285	17.251	-5.966	-34,58%
8	Thép cán thành phẩm	55.352	29.612	25.740	86,92%
	Cộng	137.274	121.349	15.925	13,12%

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 13,12%, chủ yếu do tồn kho thép cán thành phẩm tăng và tồn kho nhiên liệu tăng (nguyên nhân do tồn kho than điện cực cuối kỳ tăng cao so với đầu kỳ).

1.4 Tài sản ngắn hạn khác:

Cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 64,38%, do phát sinh và phân bổ công cụ dụng cụ, phụ tùng, chi phí giá trị lớn sử dụng dưới 12 tháng. Số phải phân bổ đến 31/12/17 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công cụ dụng cụ, phụ tùng, Chi phí	GT còn phải phân bổ đến 31/12/2017
		57
1	Phí bảo hiểm	38
2	Máy cắt K11 (01 cái)	185
3	Trục cán gang	136
4	Dụng cụ nhà ăn tập thể	332
5	Máy ngắt chân không 1250A - 24KV (01 cái)	748
	Cộng	

2 Tài sản dài hạn:**2.1 Mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) và đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB):**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Giá trị quyết toán (Bao gồm VAT)	Tăng TSCĐ
A	B	1	2	3
1	Cải tạo cán trung hàng ngang sang cán hàng dọc	9.080	9.205	8.368
2	Biến thế lò EAF 25.000 KVA	9.500	9.317	8.515
3	Máy đúc phôi liên tục 2 dòng R5,25m (Bổ sung CP QLDA và tư vấn ĐTXD)		240	240
4	Máy đóng bó thép thanh	1.600		
5	Máy tiện CNC	4.000		
6	Bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải	1.500	2.331	2.127
7	Cụm tay đòn kẹp than điện cực	1.800	1.845	1.681
8	Cải tạo nối dài nhà xưởng 50T PX luyện	1.500	1.486	1.354
9	Xe nâng 7 tấn	1.500	1.348	1.230
10	Động cơ DC, tủ điều khiển, phần cứng và lập trình PLC 675KW-500V-1450A	1.500	1.430	1.300
11	Máy bơm ống thủy lực 1/4" - 1.1/4"		168	153
12	Cạp phế liệu - Nhật (02 cái)		253	230
13	Máy lạnh tủ đứng Daikin 6HP (02 bộ)		108	108
	Cộng	31.980	27.731	25.306

Nhận xét:

- Cải tạo cán trung là công trình chuyển tiếp từ năm 2016. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ trong tháng 01/2017. Giá trị quyết toán bao gồm VAT là 9.205 triệu đồng, vượt 125 triệu đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.
- Biến thế lò EAF 25.000 KVA: Công ty đã tổ chức đấu thầu thiết bị, có 2 nhà cung cấp tham gia. Sau khi xem xét tổ chuyên gia đấu thầu đã chọn nhà cung cấp là công ty CP vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim). Đã ký hợp đồng ngày 24/04/2017 với giá trị thiết bị là 6.975 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Thiết bị khác là 723 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Phần xây dựng, lắp đặt, chạy thử là

- 1.252 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Phần còn lại là chi phí QLDA và tư vấn ĐTXD. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ.
- Máy đúc phối liên tục 2 dòng R5,25m: Tăng bổ sung chi phí quản lý dự án (QLDA) và tư vấn đầu tư xây dựng (ĐTXD) 240 triệu đồng.
 - Máy đóng bó thép thanh: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh trong nước, có 2 nhà cung cấp tham gia. Sau khi xem xét tổ chuyên gia xét thầu đã chọn nhà cung cấp là công ty CP vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim). Đã ký hợp đồng số 0317/MTX-VCS ngày 02/11/2017 với giá trị là 1.540 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Thời gian giao hàng 75 ngày kể từ ngày nhận được tiền ứng trước. Đã ứng trước 30% GTHĐ với số tiền là 462 triệu đồng. Dự kiến giao hàng trong tháng 02/2018.
 - Máy tiện CNC: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh trong nước, có 2 nhà cung cấp tham gia. Sau khi xem xét tổ chuyên gia xét thầu đã chọn nhà cung cấp là công ty TNHH MTV DVKT Bách Khoa, ký hợp đồng ngày 18/08/2017 với giá trị là 3.935 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Thời gian giao hàng 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền ứng trước. Đã ứng trước 30% GTHĐ với số tiền là 1.180 triệu đồng. Ngày 10/11/2017 nhà cung cấp có văn bản xin lùi thời hạn giao hàng đến ngày 15/02/2018. Như vậy so với ngày nhận tiền ứng trước 23/08/2017 thì nhà cung cấp đã chậm giao hàng khoảng 03 tháng.
 - Bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải: Công ty chỉ định nhà thầu Công ty CP Đầu tư XDMN cho phần xây dựng với giá trị dự toán phần móng là 39 triệu đồng (đã bao gồm VAT) và giá trị dự toán phần gia công, lắp đặt là 982 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Phần còn lại là vật tư công ty cung cấp, chi phí QLDA và tư vấn đầu tư xây dựng. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ. Giá trị quyết toán bao gồm VAT là 2.331 triệu đồng. Đang đề nghị phê duyệt bổ sung tổng mức đầu tư.
 - Cụm tay đòn kẹp than điện cực: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh, có 1 nhà cung cấp tham gia là CP vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim). Công ty đã có quyết định cho phép mở thầu để đảm bảo tiến độ dự án. Đã ký hợp đồng ngày 15/06/2017 với giá trị là 1.799 triệu đồng (bao gồm VAT). Phần còn lại là chi phí QLDA và tư vấn đầu tư xây dựng. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ. Giá trị quyết toán bao gồm VAT là 1.845 triệu đồng, vượt 45 triệu đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt
 - Cải tạo nối dài nhà xưởng 50T PX luyện: Công ty tiến hành chỉ định thầu rút gọn cho nhà thầu Công ty CP Đầu tư XDMN cho phần xây dựng với giá trị dự toán là 1.135 triệu đồng, cao hơn so với hạn mức chỉ định thầu qui định là 1.000 triệu đồng. Đã ký hợp đồng số 001/HĐXD/VCS-XDMN ngày 12/01/2017 với giá trị là 1.135 triệu đồng (bao gồm VAT). Giá trị quyết toán với công ty CP Đầu tư XDMN là 1.134 triệu đồng. Phần còn lại là vật tư do công ty cung cấp, chi phí QLDA và tư vấn đầu tư xây dựng. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ.

- Xe nâng 7 tấn: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh, có 6 nhà cung cấp tham gia. Sau khi xem xét tổ chuyên gia đấu thầu đã chọn nhà cung cấp là công ty TNHH máy công nghiệp Tanchong (Việt Nam). Đã ký hợp đồng số TCBDSC-226/17 ngày 21/06/2017 với giá trị là 1.298 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Phần còn lại là chi phí QLDA và tư vấn đầu tư xây dựng. Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ.
- Động cơ DC, tủ điều khiển, phần cứng và lập trình PLC 675KW-500V-1450A: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh, có 3 nhà cung cấp tham gia. Sau khi xem xét tổ chuyên gia đấu thầu đã chọn nhà cung cấp là công ty TNHH KT điện Vạn Việt. Đã ký hợp đồng số 0806/2017/HĐKT/VAVIE/THEP VICAS ngày 08/06/2017 với giá trị là 660 triệu đồng (đã bao gồm VAT) và hợp đồng số 1206/2017/HĐKT/VAVIE/THEP VICAS ngày 12/06/2017 với giá trị là 770 triệu đồng (đã bao gồm VAT). Đã nghiệm thu quyết toán tăng TSCĐ.

2.2 Sửa chữa lớn (SCL):

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	KH SCL được phê duyệt	Quyết toán (Bao gồm VAT)	Chênh lệch giữa QT và KH
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1	Sàn nguội thoi 3 - PX cán	650	891	241
2	Đường nội bộ	650	806	156
3	Thay tấm đan, vét mương nước toàn CTy	400	170	-230
4	Thay mái tôn, chống dột nhà xưởng	700	622	-78
5	Nền nhà xưởng luyện	300	331	31
6	Sơn lại nhà văn phòng	1.000	955	-45
		3.700	3.775	75

Nhận xét:

Hạng mục Sàn nguội thoi 3, đường nội bộ và nền nhà xưởng luyện quyết toán vượt so với kế hoạch được phê duyệt.

2.3 Tài sản dài hạn khác:

Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 3,4%, do phát sinh và phân bổ một số công cụ dụng cụ, phụ tùng, chi phí có giá trị lớn sử dụng trên 12 tháng. Số còn phải phân bổ đến ngày 31/12/2017 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công cụ dụng cụ, phụ tùng, chi phí	GT còn phải phân bổ đến 31/12/2017
1	HT điều khiển điện cực tiết kiệm điện năng lò 20T	1.026
2	Trục cán Carbide 330 x 1493 (02 bộ)	482
3	Bo mạch li tâm EDC - 16 (01 cái)	123
4	Bánh cán 180/100.65 mm (32 cái)	697
5	Đá mài phủ kim cương (01 viên)	169
	Cộng	2.497

3 Nợ phải trả :	154.705 triệu đồng
a/ Phải trả người bán ngắn hạn đến ngày 31/12/2017 là: (Chủ yếu do nợ tiền mua thép phế liệu và vật tư khác)	<u>76.398 triệu đồng</u>
b/ Thuế và các khoản phải trả NN đến ngày 31/12/2017 là:	<u>2.878 triệu đồng</u>
c/ Phải trả người lao động đến ngày 31/12/2017 là:	<u>22.958 triệu đồng</u>
d/ Chi phí phải trả ngắn hạn đến ngày 31/12/2017 là:	<u>2.502 triệu đồng</u>
• Trích trước tiền điện	1.051 triệu đồng
• Trích trước tiền thuê đất	1.393 triệu đồng
• Trích trước lãi vay ngân hàng	58 triệu đồng
e/ Phải trả ngắn hạn khác đến 31/12/2017 là:	<u>1.959 triệu đồng</u>
• Kinh phí công đoàn	161 triệu đồng
• Nhận ký quỹ, ký cược	840 triệu đồng
• Cổ tức và lãi trái phiếu chưa chi trả	520 triệu đồng
• Phải trả khác	438 triệu đồng
f/ Vay ngắn hạn đến 31/12/2017 là:	<u>48.010 triệu đồng</u>
• NH TMCP Công thương VN CN1 TPHCM	20.328 triệu đồng
• NH TMCP Ngoại thương VN CN Biên Hòa	14.068 triệu đồng
• NH TMCP ĐTPV VN CN TP.HCM	13.614 triệu đồng

4 Thanh lý TSCĐ:

Trong năm 2017 đã tiến hành thanh lý các TSCĐ sau :

TT	Tên TSCĐ thanh lý	Nguyên giá (đồng)	Gía trị còn lại (đồng)	GT thu được sau khi thanh lý (đồng)
1	Xe tải ben Kpaz 53A 5678	275.853.000		34.639.000
2	Xe tải ben Kpaz 57H 2391	145.272.642		42.000.000
3	Máy ép liệu	620.338.053	213.241.206	22.400.000
4	Máy phân tích quang phổ	870.439.500		Không có
5	Máy lạnh Carrier 4HP	46.622.727		Không có
6	Xe cầu Maz 10T	126.041.619		41.138.000
7	Xe ủi Komatsu D60P	313.506.282		68.206.000
8	Xe đào Cat 320-DL	2.537.987.100		135.608.000
9	Tủ túi khí độc TPCC	34.090.909	2.840.909	Không có
10	Cuộn kháng máy biến thế 16.000KVA	610.016.193		64.620.000
11	Biến thế lò 16.000KVA	3.900.000.000		1.255.000.000
12	Hệ thống Đúc liên tục	13.857.384.301		146.232.000
13	Động cơ cán thép 900HP 3,3KV	122.750.000		59.585.000
14	Động cơ 1000HP 3,3KV	480.000.000		61.880.000
15	Động cơ 850HP 630KW	350.000.000		61.625.000
	Cộng	24.290.302.326	216.082.115	1.992.933.000

Công ty đã tổ chức bán đấu giá các tài sản nói trên.

5 Các chỉ số tài chính chủ yếu

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	20,53%	26,63%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79,47%	73,37%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,64%	29,00%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,36%	71,00%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,28	1,23
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,17	2,53
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	3,41%	2,16%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,29%	9,45%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	24,13%	13,31%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND/CP	4.252	2.006

- Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản cuối kỳ so với đầu kỳ giảm từ 26,63% xuống còn 20,53%. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản cuối kỳ so với đầu kỳ tăng từ 73,37% lên 79,47%.
 - Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng từ 29% lên 36,64%. Tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm từ 71% xuống còn 63,36%, nguyên nhân chủ yếu do nợ phải trả người bán ngắn hạn cuối kỳ tăng so với đầu kỳ (SDCK 76 tỉ, SĐĐK 30 tỉ).
 - Khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,23 lần lên 1,28 lần. Khả năng thanh toán hiện hành giảm từ 2,53 lần xuống còn 2,17 lần. Nguyên nhân chủ yếu do nợ phải trả cuối kỳ tăng so với đầu kỳ (SDCK 154 tỉ, SĐĐK 93 tỉ).
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu so với cùng kỳ đều tăng, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế cùng kỳ tăng.
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu so cùng kỳ tăng từ 2.006 đồng lên 4.252 đồng cho 1 CP.
- Nhìn chung các chỉ số tài chính năm 2017 đạt kết quả tốt.

II. Kết quả kinh doanh năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	TH 2017	TH 2016	Tăng giảm so cùng kỳ	% tăng giảm so cùng kỳ
A	B	1	2	3	4 = 3/2
1	Doanh thu thuần	1.894.197	1.410.853	483.344	34,26%
2	Giá vốn hàng bán	1.768.354	1.339.028	429.326	32,06%
3	Lợi nhuận gộp	125.843	71.825	54.018	75,21%
4	Chi phí bán hàng	18.472	14.132	4.340	30,71%
5	Chi phí QLDN	26.645	19.741	6.904	34,97%
6	Lợi nhuận từ HĐKD	80.726	37.952	42.774	112,71%
7	Doanh thu HĐTC	1.255	1.523	(268)	-17,60%
8	Chi phí HĐTC	2.596	798	1.798	225,31%
9	Trong đó: chi phí lãi vay	2.596	795	1.801	226,54%
10	Lợi nhuận từ HĐTC	(1.341)	725	(2.066)	-284,97%

11	Thu nhập khác	1.928	514	1.414	275,10%
12	Chi phí khác	275	1.060	(785)	-74,06%
13	Lợi nhuận khác	1.653	(546)	2.199	402,75%
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	81.038	38.131	42.907	112,53%

Nhận xét:

1/ Về thực hiện so với kế hoạch (KH) 2017 :

- Doanh thu thuần vượt so với KH 33,37% tương ứng với số tiền 473.897 triệu đồng (TH 1.894.197 triệu đồng / KH 1.420.300 triệu đồng)
- Lợi nhuận vượt so với KH 145,57% tương ứng với số tiền 48.038 triệu đồng (TH 81.038 triệu đồng / KH 33.000 triệu đồng)

2/ Về thực hiện so với cùng kỳ năm 2016 :

- Doanh thu thuần và giá vốn năm 2017 so với cùng kỳ đều tăng. Trong đó doanh thu thuần tăng 34,26%, giá vốn tăng 32,06%, nhưng tỉ trọng doanh thu thuần tăng lớn hơn, điều này làm cho lợi nhuận gộp năm 2017 so với cùng kỳ tăng 75,21%.
- Mặc dù so với cùng kỳ chi phí bán hàng tăng 30,71%, chi phí QLDN tăng 34,97%, chi phí tài chính tăng 225,31% (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng), tuy nhiên do lợi nhuận gộp tăng 75,21% và thu nhập từ hoạt động khác tăng 275,10% (chủ yếu do thu từ bán tài sản thanh lý), làm cho lợi nhuận trước thuế so với cùng kỳ tăng 112,53%.
- Xét tổng chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí tài chính:
 - + Năm 2017 là 47.713 triệu đồng, bình quân một tấn sản phẩm thép cán phải chịu 329.854 đồng /1 tấn SP
 - + Năm 2016 là 34.671 triệu đồng, bình quân một tấn sản phẩm thép cán phải chịu 257.065 đồng /1 tấn SP.
 - + Như vậy so với cùng kỳ tăng 72.789 đồng / 1 tấn SP.

III. Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2017

TT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2016	Tăng giảm so cùng kỳ	% tăng giảm so cùng kỳ
A	B	1	2	3	4 = 3/2
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Phôi thép (Tấn)	171.548	158.283	13.265	8,38%
	- Phôi thép (SX)	171.548	147.105	24.443	16,62%
	- Phôi thép (Nhận SX)		11.178	(11.178)	-100,00%
1.2	Thép cán (Tấn)	146.148	130.085	16.062	12,35%
1.3	Oxy				
	- Thổi lò (m3)	4.120.955	2.851.240	1.269.715	44,53%
	- Nạp chai (chai)	242.280	247.037	(4.757)	-1,93%
2	Sản lượng tiêu thụ				
2.1	Phôi thép SX bán ngoài(Tấn)	21.016	13.860	7.156	51,63%
2.2	Thép cán (Tấn)	144.649	134.872	9.776	7,25%
2.3	Oxy				
	- Thổi lò (m3)	4.120.955	2.851.240	1.269.715	44,53%
	- Nạp chai (chai)	242.280	247.037	(4.757)	-1,93%

Nhân xét:

1/ Về thực hiện so với kế hoạch (KH) năm 2017 :

- Sản lượng SX phôi thép đạt 107,22% (171.548 tấn / 160.000 tấn).
- Sản lượng SX thép cán đạt 104,39% (146.148 tấn / 140.000 tấn).
- Sản lượng phôi thép SX bán ngoài đạt 144,94% (21.016 tấn / 14.500 tấn).
- Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 103,32% (144.649 tấn / 140.000 tấn).

2/ Về thực hiện so với cùng kỳ năm 2017:

- Sản lượng SX phôi thép năm 2017 so với cùng kỳ tăng 8,38%.
- Sản lượng SX thép cán năm 2017 so với cùng kỳ tăng 12,35%.
- Sản lượng phôi thép SX bán ngoài năm 2017 so với cùng kỳ tăng 51,63%.
- Sản lượng tiêu thụ thép cán năm 2017 so với cùng kỳ tăng 7,25%.

C. KIẾN NGHỊ

Trong năm 2017 mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp ngành thép cạnh tranh gay gắt, nhưng Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng đạt được hiệu quả tốt trong SXKD, hoàn thành vượt mức kế hoạch, đảm bảo được thu nhập cho người lao động và cổ tức cho các cổ đông, điều này rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên qua đó cũng còn một số vấn đề cần bổ sung để hiệu quả SXKD tốt hơn. Ban kiểm soát đề nghị :

1. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý thu mua thép phế liệu theo lô, công tác đánh giá và phân loại chất lượng trong việc thu mua thép phế liệu.
2. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, rà soát giảm định mức tiêu hao, nhất là tiêu hao thép phế liệu, điện và phôi để giảm giá thành tăng lợi thế cạnh tranh.
3. Rà soát nguyên vật liệu tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển để có biện pháp xử lý kịp thời, góp phần đẩy nhanh chu chuyển vốn lưu động.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong Ban Kiểm soát nhất trí thông qua.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Phước Hải

Số: 04/TTr-HĐQT-VCS

Biên Hòa, ngày 16 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL;
- Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2017 của Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2016 chuyển qua năm 2017	15.687.513.796
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	64.568.875.273
3	Chia cổ tức: 30% vốn điều lệ	45.561.966.000
4	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 9,23% lợi nhuận	5.956.887.000
5	Thưởng HĐQT, BKS, BĐH, TKHĐQT: 0,77% lợi nhuận	500.000.000
6	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối chuyển qua năm 2018	28.237.536.069

Đối với lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối: Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định phân phối lợi nhuận tại thời điểm thích hợp.

Trên đây phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Số: 05 /TTr-HĐQT-VCS

Biên Hòa, ngày 16 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL;
- Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2018	50.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (Thuế TNDN 20%)	40.000.000.000
3	Lợi nhuận năm 2017 chuyển qua năm 2018	28.237.536.069
4	Chia cổ tức: 20% vốn điều lệ	30.374.644.000
5	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 10% lợi nhuận	4.000.000.000
6	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TKHĐQT	500.000.000
7	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối	33.362.892.069

Trên đây là kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP
VICASA-VNSTEEL

Lê Văn Cam

Số: 02 /TTr-HĐQT-VCS

Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Mức thù lao và tiền lương của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT và Kế toán trưởng năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL;
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét và thông qua:

1. Tiền lương Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Chủ tịch HĐQT:	41,00 triệu đồng/người/tháng.
+ Tổng Giám đốc:	40,00 triệu đồng/người/tháng
+ Ủy viên HĐQT:	29,00 triệu đồng/người/tháng
+ Phó Tổng Giám đốc:	34,00 triệu đồng/người/tháng
+ Trưởng Ban kiểm soát:	29,00 triệu đồng/người/tháng
+ Kế toán trưởng:	29,00 triệu đồng/người/tháng

2. Thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT:

+ Ủy viên HĐQT:	4,00 triệu đồng/người/tháng
+ Kiểm soát viên, thư ký HĐQT:	3,00 triệu đồng/người/tháng

Đối với người quản lý tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát làm việc trực tiếp được Công ty trả lương hàng tháng theo chức danh quản lý chuyên trách, không hưởng thù lao hàng tháng chức danh kiêm nhiệm.

Trưởng hợp Kiểm soát viên, thư ký HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng thù lao theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Cam

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 TTr-HĐQT-VCS

Biên Hòa, ngày 16 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 một trong số năm Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC;
2. Công ty PricewaterhouseCoopers (PwC);
3. Công ty Deloitte;
4. Công ty Ernst and Young (E&Y);
5. Công ty KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Phước Hải

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (SAU KIỂM TOÁN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		335.565.334.916	236.451.862.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	58.894.357.452	46.456.265.470
1. Tiền	111		23.894.357.452	46.456.265.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		
III. Các khoản phải thu	130		138.648.644.812	66.547.303.978
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	136.501.280.536	68.154.554.904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	2.726.640.000	191.878.808
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	1.200.257.361	295.616.889
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.779.533.085)	(2.094.746.623)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	137.274.170.540	121.348.459.596
1. Hàng tồn kho	141		137.274.170.540	121.348.459.596
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		748.162.112	2.099.833.750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	748.162.112	2.099.833.750
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.710.161.076	85.824.036.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		84.212.737.832	82.557.176.315
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	84.212.737.832	82.557.176.315
- Nguyên giá	222		381.685.354.902	380.669.914.550
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(297.472.617.070)	(298.112.738.235)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			851.713.429
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8		851.713.429
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.497.423.244	2.415.146.625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	2.497.423.244	2.415.146.625
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		422.275.495.992	322.275.899.163

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		154.704.996.543	93.446.831.987
I. Nợ ngắn hạn	310		154.704.996.543	93.446.831.987
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	76.398.275.045	30.352.509.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			35.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	2.877.890.289	463.882.658
4. Phải trả người lao động	314		22.957.939.903	19.289.722.677
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	2.502.263.126	185.497.073
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.959.049.246	1.688.450.764
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	48.009.578.934	41.298.369.200
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			133.400.241
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.570.499.449	228.829.067.176
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	267.570.499.449	228.829.067.176
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.256.389.069	41.514.956.796
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.687.513.796	11.050.362.483
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64.568.875.273	30.464.594.313
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		422.275.495.992	322.275.899.163

Biên Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Công An

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hùng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Xuân Tiến

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (SAU KIỂM TOÁN)
PHẦN I - LÃI (LỖ)
NĂM 2017

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.907.901.687.501	1.412.749.168.682
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	13.705.185.508	1.896.021.160
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		13.705.185.508	1.861.091.160
2.2	- Giảm giá hàng hoá	05		-	-
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		-	34.930.000
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.894.196.501.993	1.410.853.147.522
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1.768.353.902.529	1.339.027.996.752
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125.842.599.464	71.825.150.770
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.255.043.500	1.523.426.912
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	2.595.562.916	798.610.169
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.595.508.300	794.825.685
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	18.471.654.298	14.132.068.342
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	26.644.796.522	19.741.248.619
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		79.385.629.228	38.676.650.552
12	Thu nhập khác	31	VII.6	1.927.850.884	513.972.728
13	Chi phí khác	32	VII.7	274.871.335	1.059.869.490
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.652.979.549	(545.896.762)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		81.038.608.777	38.130.753.790
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	16.469.733.504	7.666.159.477
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		64.568.875.273	30.464.594.313
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.826	1.805
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập biểu



Đặng Công An

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng

Biên Hoà, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Xuân Tiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (SAU KIỂM TOÁN)

(Theo phương pháp gián tiếp)

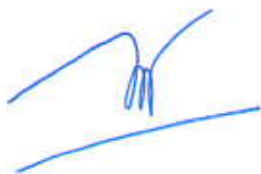
NĂM 2017

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I .LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế :	01		81.038.608.777	38.130.753.790
2. Điều chỉnh cho các khoản :			23.830.518.515	18.895.946.061
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		23.434.099.045	20.445.804.518
- Các khoản dự phòng	03		(315.213.538)	(781.360.275)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.772)	(207.267)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.883.863.520)	(1.563.116.600)
- Chi phí lãi vay	06		2.595.508.300	794.825.685
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động:	08		104.869.127.292	57.026.699.851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.786.127.296)	(44.854.477.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.925.710.944)	43.723.163.632
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.295.892.710	17.493.097.573
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.269.395.019	(489.627.410)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.569.521.519)	(830.386.457)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.173.613.283)	(9.543.972.720)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			9.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.179.860.241)	(3.692.658.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.799.581.738	58.841.438.747
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.454.029.249)	(17.625.239.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.417.000.000	283.272.728
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		714.945.636	1.279.843.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.322.083.613)	(16.062.122.872)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		282.887.522.917	159.334.825.858
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(276.176.313.183)	(204.007.980.212)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.750.627.649)	(22.519.376.145)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(16.039.417.915)	(67.192.530.499)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ (50=20+30+40)	50		12.438.080.210	(24.413.214.624)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60		46.456.265.470	70.869.272.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.772	207.267
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ (70=50+60+61)	70	VI.1	58.894.357.452	46.456.265.470

Người lập biểu



Đặng Công An

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng

Biên Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Xuân Tiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (SAU KIỂM TOÁN)**NĂM 2017****I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần (Nhà nước 65%)

Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được chuyển từ DNNN là Công ty Thép Biên Hòa theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 09 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA). Đại Hội đồng cổ đông của Công ty chấp thuận đổi tên của Công ty thành Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp**3. Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất sắt, thép, gang (C24100)

_ Gia công Cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (C25920)

_ Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại (C28220)

_ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (C33200)

_ Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (D35200)

_ Tài chế phế liệu (E4659)

_ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (G4659)

_ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (G4661)

_ Bán buôn kim loại và quặng kim loại (G4662)

_ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (G4663)

_ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (G4669)

_ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (H4933)

_ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (H5022)

_ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (L68100)

_ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

_ Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

12 tháng hàng năm

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

- Danh sách Công ty con:

Không có

- Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết:

Không có

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**II - KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm:**

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND)

III - CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV - CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam: Công ty tuân thủ theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Doanh nghiệp
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác VND được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:
 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.
 - Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Theo tỷ giá thực tế
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:
 - a) Chứng khoán kinh doanh;
 - b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các khoản cho vay;
 - d) Đầu tư vào Công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
 - e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.
6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Các khoản phải thu khách hàng được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ.
7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Theo giá thực tế
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
 - + Nguyên vật liệu chính: Theo giá thực tế bình quân gia quyền tháng.
 - + Nguyên vật liệu: Theo giá thực tế bình quân gia quyền tháng.
 - + Bán thành phẩm, thành phẩm: Theo giá thực tế bình quân gia quyền tháng.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho; Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - PP lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho" của Bộ Tài chính.
8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính); Theo nguyên giá (-) giá trị hao mòn lũy kế.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính); Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng
9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:
10. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:
11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:
 - Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh dưới 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dưới 12 tháng và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh dưới 12 tháng.
 - Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trên 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước trên 12 tháng và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trên 12 tháng.
 - Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dưới 12 tháng và trên 12 tháng vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp phân bổ hợp lý
12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả: Được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan
13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:
14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:
15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo chi phí khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí (như tiền điện, nước,...)
16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:
17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:
18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi:
19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn góp các chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chôn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hợp đồng xây dựng;
- Thu nhập khác;

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?

2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá hiện hành...):

3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:

- Các khoản dự phòng;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán - nếu có).

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	407.769.326	282.015.524
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn: Trong đó	23.486.588.126	46.174.249.946
+ Tiền Việt Nam đồng:	23.476.822.235	46.164.172.036
+ Tiền ngoại tệ (USD):	9.765.891	10.077.910
- Tiền đang chuyển		
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn: 01 tháng	35.000.000.000	
Cộng	58.894.357.452	46.456.265.470

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn:	134.721.747.451	66.059.808.281
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên	136.010.471.765	67.057.423.366
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam:	1.679.533.085	2.813.923.747
+ Công ty TNHH một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL	72.374.197.680	34.656.175.847
+ Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL	48.141.324.000	
+ Công ty Thép Tây Đô:	13.815.417.000	10.731.646.272
+ Công ty TNHH Thép VINAKYOEI		18.855.677.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	490.808.771	1.097.131.538
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:	(1.779.533.085)	(2.094.746.623)
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	136.013.221.765	67.057.423.366
+ Công ty TNHH một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL	72.374.197.680	34.656.175.847
+ Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL	48.141.324.000	
+ Công ty Mạ kẽm công nghiệp VINGAL - VNSTEEL	2.750.000	
+ Công ty TNHH Thép VINAKYOEI		18.855.677.500
+ Công ty Thép Tây Đô:	13.815.417.000	10.731.646.272
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam:	1.679.533.085	2.813.923.747

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn:	1.200.257.361	-	295.616.889	-
- Ký cược, ký quỹ (244)	11.400.000		7.400.000	
- Tạm ứng (141)	71.100.000		147.935.130	
- Phải thu tiền thuế TNCN (người lao động - 1388)	599.846.902		107.281.759	
- Phải thu khác (1388)	517.910.459		33.000.000	
- Phải thu khác (3388)				

6. Nợ xấu:	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
+ DNTN Mười Thanh	100.000.000			125.000.000		
+ Cty CP Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	1.679.533.085			2.813.923.747	844.177.124	
Cộng	1.779.533.085	-	-	2.938.923.747	844.177.124	-

Hàng tồn kho:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu:	70.511.076.842		74.358.291.536	
- Công cụ, dụng cụ:	125.769.869		127.023.564	
- Bán thành phẩm phối thép:	11.284.988.253		17.250.691.568	
- Thành phẩm:	55.142.153.688	-	29.612.452.928	
- Hàng gửi bán:	210.181.888		-	
Cộng	137.274.170.540	-	121.348.459.596	-

8. Tài sản dở dang dài hạn:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang:	-	-	851.713.429	-
- <i>Cải tạo cân trung hàng ngang sang cân hàng dọc</i>			851.713.429	
c) Sửa chữa lớn Tài sản cố định:	-	-	-	-
Cộng	-	-	851.713.429	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Súc vật, vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	58.688.188.597	273.191.222.561	38.199.757.317	10.210.671.075	380.075.000	380.669.914.550
- Mua trong năm		3.133.927.346	1.460.049.300	107.700.000		4.701.676.646
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.354.022.027	19.250.044.005				20.604.066.032
- Thanh lý, nhượng bán		19.940.488.547	3.398.660.643	951.153.136		24.290.302.326
Số dư cuối năm	60.042.210.624	275.634.705.365	36.261.145.974	9.367.217.939	380.075.000	381.685.354.902
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.237.688.379	212.364.105.498	29.332.407.044	7.798.462.314	380.075.000	298.112.738.235
- Khấu hao trong năm	3.165.237.702	16.943.218.054	2.266.229.872	701.256.722		23.075.942.350
- Tăng khác		358.156.695				358.156.695
- Thanh lý, nhượng bán		19.727.247.340	3.398.660.643	948.312.227		24.074.220.210
Số dư cuối năm	51.402.926.081	209.938.232.907	28.199.976.273	7.551.406.809	380.075.000	297.472.617.070
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	10.450.500.218	60.827.117.063	8.867.350.273	2.412.208.761		82.557.176.315
- Tại ngày cuối năm	8.639.284.543	65.696.472.458	8.061.169.701	1.815.811.130		84.212.737.832

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

6.093.061.193

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

177.604.484.429

13. Chi phí trả trước:	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	748.162.112	2.099.833.750
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng:	690.825.465	1.611.836.422
- Chi phí Bảo hiểm tài sản	57.336.647	81.197.328
- Chi phí Bảng hiệu quảng cáo		406.800.000
- Các khoản khác:		
b) Dài hạn:	2.497.423.244	2.415.146.625
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng:	1.470.908.590	798.903.208
- Chi phí Hệ thống điều khiển điện cực tiết kiệm điện năng lò 20T	1.026.514.654	1.586.431.738
- Các khoản khác;		29.811.679
Cộng	3.245.585.356	4.514.980.375

14. Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn: (chi tiết theo từng khoản mục)	2.726.640.000	191.878.808
- Trả trước cho người bán:	2.726.640.000	191.878.808
+ Công ty TNHH Một Thành Viên 756		15.000.000
+ Công ty TNHH TM An Cường	186.100.000	
+ Công ty CP Vật Tư và Thiết Bị Toàn Bộ (MATEXIM)	462.000.000	
+ Công ty TNHH MTV Thiết bị Dịch vụ Kỹ Thuật Bách Khoa	1.333.840.000	
+ Công ty TNHH Nhất Trí Thành	689.700.000	
+ Công ty TNHH Cơ Khí Điều Đông Dương		117.670.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Cầu Minh Anh		40.000.000
+ Các đơn vị khác	55.000.000	19.208.808
Cộng	2.726.640.000	191.878.808

15. Vay và nợ thuê tài chính:

Khoản mục	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn:	48.009.578.934	48.009.578.934	282.887.522.917	276.176.313.183	41.298.369.200	41.298.369.200
- Vay ngân hàng dưới 12 tháng	48.009.578.934	48.009.578.934	282.887.522.917	276.176.313.183	41.298.369.200	41.298.369.200
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-CN TP.HCM	13.614.154.400	13.614.154.400	81.832.692.083	83.864.358.533	15.645.820.850	15.645.820.850
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN 1 TP.HCM	20.327.782.034	20.327.782.034	60.047.105.184	50.754.307.550	11.034.984.400	11.034.984.400
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Biên Hòa	14.067.642.500	14.067.642.500	141.007.725.650	141.557.647.100	14.617.563.950	14.617.563.950
Cộng	48.009.578.934	48.009.578.934	282.887.522.917	276.176.313.183	41.298.369.200	41.298.369.200

16. Phải trả người bán:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	76.398.275.045	76.398.275.045	30.352.509.374	30.352.509.374
(Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số; phải trả)				
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	2.567.350.260	2.567.350.260	300.551.500	300.551.500
- Công ty Cổ phần TMDV XNK Hoàng Tấn Phát	19.660.354.780	19.660.354.780	1.867.879.200	1.867.879.200
- Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thu	10.406.647.350	10.406.647.350	1.939.810.400	1.939.810.400

- Công ty TNHH Hoàng Bảo Hiếu	5.169.822.900	5.169.822.900	1.833.053.200	1.833.053.200
- Công ty CP Tập Đoàn Vật Liệu Chịu Lửa Thái Nguyên	2.203.011.250	2.203.011.250	1.147.846.700	1.147.846.700
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Than Hùng Trọng	1.500.753.480	1.500.753.480	1.678.849.480	1.678.849.480
- Công ty TNHH Vật Liệu Chịu Lửa và Dịch Vụ Miền Nam	1.199.227.700	1.199.227.700	1.411.863.200	1.411.863.200
- Công ty TNHH Thương Mại Thành Đạt			4.134.053.000	4.134.053.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Phụng Phát	2.498.646.700	2.498.646.700	1.443.508.000	1.443.508.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	354.359.297	354.359.297	3.541.205.223	3.541.205.223
- Công ty TNHH Thép Huy Hoàng Gia	14.103.497.100	14.103.497.100		
- Phải trả cho các đối tượng khác	16.734.604.228	16.734.604.228	11.053.889.471	11.053.889.471
e) Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
<i>(Chi tiết từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn)</i>				
- Các đối tượng khác				
- Các đối tượng khác				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết)	2.138.797.043	2.138.797.043	5.255.355.246	5.255.355.246
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	918.914.846	918.914.846	442.449.593	442.449.593
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	354.359.297	354.359.297	3.541.205.223	3.541.205.223
- Công ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây	49.204.100	49.204.100		
- Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	335.185.400	335.185.400	464.640.000	464.640.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Luyện Kim	380.411.900	380.411.900	463.744.600	463.744.600
- Công ty CP SX SP Mạ Công nghiệp Vingal	100.721.500	100.721.500	7.227.000	7.227.000
- Công ty Thép Tây Đô				
- Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ			336.088.830	336.088.830

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	313.312.677	26.099.049.089	24.477.043.495	1.935.318.271
- Thuế xuất, nhập khẩu		18.224.085	18.224.085	-
- Thuế TNDN	38.035.740	16.469.733.504	16.173.613.283	334.155.961
- Thuế thu nhập cá nhân	111.334.241	2.800.369.348	2.304.487.532	607.216.057
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
- Thuế TNCN từ đầu tư vốn		241.192.425	241.192.425	-
- Các loại Thuế khác	1.200.000	6.567.500	6.567.500	1.200.000
- Lệ phí và các khoản hải nộp khác		256.250.927	256.250.927	-
Cộng	463.882.658	45.894.386.878	43.480.379.247	2.877.890.289

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	2.502.263.126	185.497.073
- Chi phí lãi vay	58.061.838	32.075.057
- Trích bổ sung tiền thuê đất năm 2017	1.393.503.288	
- Trích trước chi phí điện trích trước	1.050.698.000	153.422.016
- Chi phí phải trả khác		

19. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn:		
- Các khoản phải trả khác		
- Kinh phí công đoàn	161.388.800	162.462.000
- CB CNV Công ty Ủng hộ XH	319.087.683	154.104.224
- Phải trả tiền ăn trưa, bồi dưỡng độc hại	119.325.000	149.325.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	840.000.000	775.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	467.804.891	437.449.540

- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.442.872	10.110.000
Cộng	1.959.049.246	1.688.450.764

23. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu kỳ trước	151.873.220.000	20.441.721.380		13.999.169.000	38.397.635.483	224.711.745.863
- Tăng vốn trong kỳ trước						
- Lãi trong kỳ trước					30.464.594.313	30.464.594.313
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				1.000.000.000	(1.000.000.000)	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					(3.066.290.000)	(3.066.290.000)
- Chia cổ tức					(22.780.983.000)	(22.780.983.000)
- Giảm khác					(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	151.873.220.000	20.441.721.380		14.999.169.000	41.514.956.796	228.829.067.176
Số dư đầu kỳ này	151.873.220.000	20.441.721.380		14.999.169.000	41.514.956.796	228.829.067.176
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					64.568.875.273	64.568.875.273
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển						-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					(3.046.460.000)	(3.046.460.000)
- Chia cổ tức					(22.780.983.000)	(22.780.983.000)
- Khen thưởng HĐQT, BKS, BDH Công ty						-
Số dư cuối năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380		14.999.169.000	80.256.389.069	267.570.499.449

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	98.718.750.000	98.718.750.000
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	10.846.290.000	10.846.290.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.308.180.000	42.308.180.000
Cộng	151.873.220.000	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	151.873.220.000	151.873.220.000
+ Vốn góp đầu năm	151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (Lợi nhuận năm 2016)	22.780.983.000	22.780.983.000

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.187.322	15.187.322
+ Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND</i>		

đ) Cổ tức:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	22.780.983.000	
e) Các quỹ của doanh nghiệp:	14.999.169.000	14.999.169.000
- Quỹ đầu tư phát triển:	14.999.169.000	14.999.169.000

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

27. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
c) Ngoại tệ các loại	431,07	443,57
- USD	431,07	443,57
-		

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán Thành phẩm	1.902.271.001.837	1.378.244.089.539
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.202.848.000	30.012.769.279
- Doanh thu bán vật tư, phế liệu và hoạt động khác	4.427.837.664	4.492.309.864
Cộng	1.907.901.687.501	1.412.749.168.682
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)	1.881.382.015.880	1.303.587.861.764
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	140.000.000	593.194.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	132.875.100.500	32.719.844.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	343.378.500	221.056.000
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.662.464.138.965	1.209.755.149.757
- Công ty Thép Tây Đô	66.482.036.598	15.072.055.503
- Công ty SX SP mạ công nghiệp Vingal	33.351.000	131.678.500
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Luyện Kim	196.217.000	107.000.000
- Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây		3.073.125.000
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	18.833.320.000	33.998.541.050
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung - VNSTEEL		11.732.500
- Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng		100.000
- Công ty TNHH Thép VCS-POSCO		7.899.840.000
- Công ty Tôn Phương Nam	14.473.317	4.545.454

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2017	Năm 2016
- Chiết khấu thương mại	13.705.185.508	1.861.091.160
- Hàng bán bị trả lại		34.930.000
Cộng	13.705.185.508	1.896.021.160

3. Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.766.137.923.017	1.309.435.277.772
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	726.526.058	28.257.771.271
- Giá vốn của vật tư, phế liệu và hoạt động khác	1.489.453.454	2.233.670.722
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(898.723.013)
Cộng	1.768.353.902.529	1.339.027.996.752

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	714.945.636	1.279.843.872
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	66.388	

- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm		207.267
- Lãi bán hàng trả chậm	540.031.476	243.375.773
Cộng	1.255.043.500	1.523.426.912

5. Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền vay	2.595.508.300	794.825.685
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	43.807	3.784.484
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	10.809	
Cộng	2.595.562.916	798.610.169

6. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.906.850.884	283.272.728
- Các khoản khác	21.000.000	230.700.000
Cộng	1.927.850.884	513.972.728

7. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí khác	18.620.408	
- Chi phí ngừng dự án tư vấn lập kế hoạch phát triển sản xuất		952.719.895
- Chi phí truy thu thuế	256.250.927	107.149.595
Cộng	274.871.335	1.059.869.490

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:		
- Chi phí nhân viên quản lý	8.980.838.818	8.106.539.613
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.168.595.320	2.324.084.826
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	701.256.722	704.558.073
- Chi phí thuê phí, lệ phí	71.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(315.213.538)	117.362.738
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.908.484.600	4.304.773.910
- Chi phí bằng tiền khác	10.129.834.600	4.180.929.459
Cộng	26.644.796.522	19.741.248.619
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:		
- Chi phí vật liệu, bao bì	653.067.039	638.235.151
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.123.413.297	6.994.792.191
- Chi phí bằng tiền khác	988.659.974	484.123.828
- Chi phí thương hiệu thép chữ "V/"	7.706.513.988	6.014.917.172
Cộng	18.471.654.298	14.132.068.342

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố:	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.456.674.902.043	979.027.940.349
- Chi phí nhân công	104.200.326.296	88.963.720.361
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.075.942.350	20.342.414.840
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.914.127.698	341.781.472.308
- Chi phí bằng tiền khác	19.797.861.787	17.272.630.427
Cộng	2.012.663.160.174	1.447.388.178.285

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.277.116.749	7.666.159.477
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	192.616.755	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.469.733.504	7.666.159.477

VIII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm 2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	282.887.522.917	159.334.825.858
Cộng	282.887.522.917	159.334.825.858

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm 2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	276.176.313.183	204.007.980.212
Cộng	276.176.313.183	204.007.980.212

IX- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên):
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- Thông tin về hoạt động liên tục:
- Những thông tin khác:

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Công An

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hùng

Biên Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2018

